

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 1 Năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(1.468.830.644)	10.140.618.146
2. Điều chỉnh cho các khoản			9.722.857.033	41.505.472.075
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2		3.873.293.114	17.357.602.947
- Các khoản dự phòng	3		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(53.031.187)	962.740
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		94.456.343	(807.460.779)
- Chi phí lãi vay	6		5.808.138.763	24.954.367.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		8.254.026.389	51.646.090.221
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		22.453.891.093	(98.387.088.316)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.983.040.239	447.551.006
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(27.817.892.192)	514.599.317
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.045.815.600)	(1.624.363.425)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.003.823.463)	(25.419.553.102)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(770.869.375)	(5.081.638.804)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		49.892.353	1.312.545.541
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.009.620.103)	(3.561.775.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.092.829.341	(80.153.632.688)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(7.555.783.858)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	120.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của Đv khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		569.913.972	687.460.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		569.913.972	(6.748.323.079)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành CP, vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		332.127.929.896	1.680.565.280.321
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(338.063.300.122)	(1.676.382.311.430)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.780.314.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.935.370.226)	(5.597.345.509)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14.727.373.087	(92.499.301.276)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		34.963.803.837	127.464.030.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(53.031.187)	(925.130)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		49.638.145.737	34.963.803.837

Lập, ngày 11 tháng 04 năm 2014

Lập biểu

da

Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng

Dương Minh Chính

Dương Minh Chính

Tổng Giám Đốc

Hoàng Ngọc Oanh

Hoàng Ngọc Oanh

ĐKKD: 4103008922
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP
THỦ ĐỨC
QUẬN THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH